

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/DS-ST

Ngày: 17/2/2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Sang
2. Bà Thi Thị Thanh Trúc

- Thư ký phiên tòa: Châu Thị Phụng Liên, Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Nguyễn Hoàng Phúc Đức – Kiểm sát viên

Trong ngày 17 tháng 2 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1997

Địa chỉ: Số 157/1 ấp An Định, xã An Nhơn, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre

Người đại diện cho ông Đ theo văn bản ủy quyền ngày 10/9/2024: Bà Trần Thị Diên, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm 2, Thị Trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

2. *Bị đơn:* Phạm Văn De, sinh năm 1962; Lê Thị P, sinh năm 1970

Địa chỉ: ấp Hai Thủ, xã Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Người đại diện cho ông De, bà P theo văn bản ủy quyền ngày 16/9/2024: là Lê Nhựt Hùng, sinh năm 1991 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Sóc Vinh, xã Phương Thạnh, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của anh Nguyễn Thanh Đ và lời trình bày của bà Trần Thị Diên được anh Đ ủy quyền như sau:

Trước đây anh Đ có bán thức ăn, thuốc nuôi trồng thủy sản cho bà P và ông De. Khi mua bán hai bên có lập sổ ghi số lượng hàng hóa, số tiền cho bên mua

ký nhận. Đến ngày 24/8/2023 kết sổ ông De bà P còn nợ lại anh Đ số tiền 214.024.000 đồng. Sau đó ông De tiếp tục lấy thức ăn, thuốc nuôi tôm cho đến ngày 9/10/2023 kết sổ còn nợ lại 227.919.000 đồng. Tổng cộng bà P, ông De nợ anh Đ số tiền 441.943.000 đồng. Ông De, bà P hứa thanh toán nhưng kéo dài đến nay 9 tháng chưa thanh toán. Nay anh Đ yêu cầu ông De, bà P phải trả số tiền 441.943.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Ông Lê Nhựt Hùng đại diện theo ủy quyền của bà P và ông De trình bày như sau:

Bà P và ông De có mua thức ăn nuôi tôm của anh Đ và còn nợ lại anh Đ số tiền bao nhiêu không nhớ vì chưa chốt nợ cụ thể nên không biết bao nhiêu. Sau đó ông De không có khả năng nuôi thì hai bên có thỏa thuận anh Đ sẽ ra con giống, thức ăn cho bà P và ông De tiếp tục nuôi nếu có lời thì lấy tiền lời đó trả vào phần nợ củ thực hiện được 01 năm có khấu trừ một phần nợ gốc với anh Đ nhưng không biết bao nhiêu. Nay phía anh Đ khởi kiện yêu cầu trả số tiền 441.943.000 đồng bà P, ông De không đồng ý. Chữ ký trong sổ mà nguyên đơn cung cấp không phải của ông De.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã nhận định:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định. Những vấn đề khác Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự và những người tham gia tố tụng khác từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 68, 70, 71, 74 Bộ luật tố tụng dân sự

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ. Buộc ông Phạm Văn De, bà Lê Thị P có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Thanh Đ số tiền 441.943.000 đồng. Về án phí: Buộc các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Các đương sự “Tranh chấp hợp đồng mua bán”. Bị đơn có nơi cư trú thuộc huyện Châu Thành nên thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án anh Hùng được ông De, bà P ủy quyền có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự đủ căn cứ để xét xử vắng mặt đương sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh Đ. Hội đồng xử án xét thấy:

[1] Anh Nguyễn Thanh Đ có bán thức ăn nuôi thủy sản cho bà P và ông De rất nhiều năm đến ngày 24/8/2023 kết sổ ông De bà P còn nợ lại anh Đ số tiền 214.024.000 đồng. Sau đó anh Đ tiếp tục hỗ trợ con giống, thức ăn cho bà P và ông De nuôi tiếp đến ngày 09/10/2023 kết sổ ông De bà P nợ 227.919.000 đồng. Tổng cộng 2 lần kết sổ số nợ ông De, bà P thiếu anh Đ 441.943.000 đồng, có chữ ký của ông De ký xác nhận nợ “De”, có khi giao hàng không có ông De nhà thì bà P là người ký xác nhận nhưng ghi tên “V”

Phía bà P, ông De thừa nhận có nợ nhưng cho là chưa kết sổ nên không biết nợ bao nhiêu. Chữ ký xác nhận nợ không phải của ông De. Tòa án đã ra quyết định yêu cầu bà P và ông De cung cấp tài liệu chứng cứ: “Bà P, ông De mua thức ăn nuôi tôm của anh Đ số tiền nợ tổng cộng là bao nhiêu, sau khi thu hoạch đã trả được bao nhiêu, còn nợ lại bao nhiêu, phải nêu số tiền cụ thể rõ ràng; Ông De, bà P cho là không phải chữ ký của ông De thì phải làm phải làm đơn yêu cầu giám định chữ ký...” Bà P và ông De nhận được quyết định yêu cầu cung cấp vừa nêu nhưng không thực hiện cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của ông De, bà P.

Bà P, ông De cho là chữ ký nhận nợ trong sổ do anh Đ cung cấp cho Tòa không phải của ông De nhưng bà lại từ chối không yêu cầu giám định chữ ký.

Từ những chứng cứ nêu trên cho thấy hợp đồng mua bán giữa anh Đ và ông De, bà P là có thật. Ông De, bà P không có trả tiền cho anh Đ như hai bên thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh Đ nên anh Đ khởi kiện yêu cầu ông De, bà P phải trả số tiền 441.943.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phù hợp với nhận định Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[2] Về lãi suất: Phía anh Đ không yêu cầu nên không xem xét

[3] Về án phí: Anh Đ không phải chịu án phí vì yêu cầu khởi kiện được chấp nhận. Ông De, bà P phải chịu án phí 5% đối với số tiền phải trả cho anh Đ nhưng do ông De là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí theo điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Bà P phải chịu án phí

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; 147; 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 430; 440 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh Đ

Buộc ông Phạm Văn De, bà Lê Thị P có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Thanh Đ số tiền 441.943.000 đồng.

Khi án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án dân sự, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án dân sự còn phải trả lãi của số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả cho anh Đ số tiền tạm ứng án phí nộp tại chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành số tiền 10.838.000đồng, ngày 07/10/2024, biên lai số 0009403.

Ông De, bà P phải chi án phí 21.677.720 đồng (ông De, bà P mỗi người phải nộp 10.838.000đồng) nhưng ông De là người cao tuổi nên được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Còn lại bà P phải nộp 10.838.000đồng.

Án xử công khai. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại phúc thẩm. Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thu Hằng